

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2019; Kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2020

Thực hiện Công văn số 269/BKHCN-KHTC ngày 31/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2020, UBND tỉnh Quảng Ngãi xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2020, như sau:

A. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ (KH và CN) năm 2019

I. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách về KH và CN và đổi mới sáng tạo (ĐMST)

- Thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” ban hành kèm theo Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020 tại Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 và phê duyệt Kế hoạch “Xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025 tại Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 thay thế Quyết định số 878/QĐ-UBND.

- Kế hoạch số 2171/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc “Xây dựng phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý cho một số sản phẩm chủ lực, đặc thù của tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020”.

- Tổ chức lớp tập huấn phổ biến các chỉ số Đổi mới sáng tạo cho các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, qua đó cung cấp kiến thức cơ bản về chỉ số Đổi mới sáng tạo, phương thức tính toán và đánh giá cho cán bộ, công chức của các sở, ngành tham gia. Đồng thời, UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện việc cải thiện chỉ số Đổi mới sáng tạo của tỉnh Quảng Ngãi.

- Thời gian qua các sở, ngành, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tích cực triển khai các nhiệm vụ để cải thiện chỉ số Đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP, bước đầu đã tạo ra những chuyển biến tích cực, tuy nhiên vẫn còn hạn chế nhất định. Để cải thiện các chỉ số Đổi mới sáng tạo ở địa phương trong năm 2019 và những năm tiếp theo nhằm góp phần cùng cả nước đạt chỉ số Đổi mới sáng tạo trung bình ASEAN 5, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện đầy mạnh

triển khai các nhiệm vụ, đồng thời các cơ quan, đơn vị cần tiếp tục quán triệt, phổ biến và triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 02-2019/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 tại Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 24/3/2019 của UBND tỉnh.

II. Đánh giá kết quả hoạt động KH&CN và ĐMST

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

- Năm 2019 tiếp tục theo dõi, quản lý 38 nhiệm vụ KH&CN. Trong đó, có 33 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và 04 nhiệm vụ cấp nhà nước thuộc Chương trình nông thôn miền núi. Đối với chỉ tiêu cụ thể về nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (01) đã thực hiện việc xét duyệt đề cương. Chuyển giao kết quả 09 nhiệm vụ đến các sở, ngành, đơn vị tiếp tục khai thác, sử dụng, như sau:

a) Lĩnh vực nông nghiệp

Các đề tài, dự án KH&CN triển khai trong lĩnh vực nông nghiệp đem lại hiệu quả kinh tế-xã hội rõ rệt, góp phần quan trọng tạo thêm việc làm, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp, có tác động đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Đặc biệt đã hình thành được một số dự án theo chuỗi giá trị có sự liên kết với doanh nghiệp, Hợp tác xã với tư cách là đơn vị chủ trì dự án, bước đầu đã đem lại hiệu quả tốt và thu nhập của người dân cũng được nâng cao.

** Về trồng trọt:*

Đề tài “Thực nghiệm các giải pháp kỹ thuật trong canh tác tỏi ở huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (*canh tác tỏi không bổ sung đất, không thay cát*)” xác định được các giải pháp kỹ thuật canh tác tỏi theo phương thức không bổ sung đất, không thay cát nhưng vẫn giữ được năng suất, chất lượng tỏi ở Lý Sơn.

Dự án: “Ứng dụng các giải pháp kỹ thuật thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp tại Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đức Vĩnh, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức” nhằm tổ chức lại sản xuất nông nghiệp tại xã Đức Phú huyện Mộ Đức, trên cơ sở hình thành chuỗi sản xuất gắn kết giữa trồng trọt, chăn nuôi và chế biến nhằm ổn định sản xuất, gia tăng giá trị cho sản phẩm nông nghiệp của địa phương, góp phần xây dựng nông thôn mới ở xã này, nâng cao năng lực dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp của HTX Dịch vụ nông nghiệp Đức Vĩnh và trình độ canh tác của nông dân trong vùng dự án triển khai.

Dự án: “Hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh” góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị sản xuất đất nông nghiệp từ 10 – 20% so với phương thức sản xuất truyền thống, góp phần định hình cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả ở xã Tịnh Bắc, từng bước nâng cao

năng lực dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp của HTX Nông nghiệp Tỉnh Bắc và trình độ canh tác của nông dân vùng dự án.

Dự án: "Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình thực nghiệm sản xuất rau an toàn theo phương pháp thủy canh" nhằm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình thực nghiệm sản xuất rau quả an toàn theo phương pháp thủy canh trong điều kiện nhà màng, nhà lưới phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh Quảng Ngãi, cung cấp rau quả an toàn, chất lượng cho người dân.

Dự án: "Hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật sản xuất lúa gạo hữu cơ chất lượng cao tại Quảng Ngãi" nhằm ứng dụng quy trình công nghệ sản xuất lúa gạo hữu cơ tại Quảng Ngãi và hình thành chuỗi giá trị sản xuất tiêu thụ lúa gạo hàng hóa chất lượng, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững cho nghề trồng lúa truyền thống, nâng cao thu nhập cho doanh nghiệp và người dân.

Dự án: "Quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận chè Minh Long" nhằm tổ chức, quản lý và khai thác có hiệu quả, bền vững sản phẩm chè xanh Minh Long và thu nhập ổn định cho đồng bào dân tộc miền núi ở huyện Minh Long.

** Về chăn nuôi-thú y:*

Dự án "Xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi bò thành nghề sản xuất chính của nông hộ trên địa bàn huyện Đức Phổ" với quy mô 500 hộ dân tham gia, dự án được áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, kỹ thuật truyền tinh nhân tạo, kỹ thuật chăn nuôi bò sinh sản, bò thịt và cải tạo xây dựng chuồng đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần xây dựng nông thôn mới.

** Về thủy sản:*

Để chủ động sản xuất cá giống tại địa phương góp phần phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đang triển khai dự án: "Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thử nghiệm ương giống cá Bớp (*Rachycentron canadum*) giai đoạn từ trứng lên cá giống tại Quảng Ngãi" và Dự án: "Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất giống và thử nghiệm nuôi thương phẩm lươn đồng (*Monopterus albus*) tại Quảng Ngãi"; nhằm tạo ra đối tượng nuôi mới, nghề nuôi mới, tạo công ăn việc làm cho người dân ven biển đang thực hiện đề tài: "Thử nghiệm công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá ngựa đen (*Hippocampus kuda* Pleeker 1852) tại tỉnh Quảng Ngãi" và bước đầu đã đạt được một số kết quả khả quan.

Thông qua các chương trình, dự án KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật hàng ngàn lượt nông dân; hỗ trợ cho hàng ngàn hộ nông dân trực tiếp tham gia xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu chuyển giao tiến bộ kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn, miền núi, hỗ trợ các huyện xây dựng dự án khoa học và công nghệ, đẩy nhanh tiến bộ kỹ thuật đến với người nông dân, hỗ trợ nông dân ứng dụng KH&CN vào sản xuất, tạo thêm

việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, đặc biệt đối với đồng bào, dân tộc ở miền núi của tỉnh. Thời gian qua hoạt động khoa học và công nghệ đã có những đóng góp tích cực trong tiến trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

b) Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

Kết quả nghiên cứu lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đã góp phần giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế-xã hội đảm bảo quốc phòng, an ninh, như:

Đề tài “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát huy vai trò của doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Ngãi”.

Đề tài: “Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”.

Đề tài: “Nghiên cứu hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật trong thanh thiếu niên tỉnh Quảng Ngãi”; Đề tài: Phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng các xã ven biển, hải đảo tỉnh Quảng Ngãi trong lãnh đạo phát triển kinh tế gắn với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

c) Lĩnh vực y tế

Trong lĩnh vực Y tế, nghiên cứu nhằm ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, đã thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, như:

Đề tài: “Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp can thiệp đối với trẻ tự kỷ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”.

Dự án: “Hỗ trợ chuyển giao ứng dụng kỹ thuật phẫu thuật điều trị trĩ bằng phương pháp Longo tại tỉnh Quảng Ngãi”.

d) Lĩnh vực kỹ thuật công nghệ

Trường Cao đẳng kỹ nghệ Dung Quất triển khai thành công nhiệm vụ “Thiết kế và chế tạo máy cắt Plasma, oxy CNC dạng trung bình”. Trên cơ sở tự nghiên cứu viết phần mềm điều khiển tự động máy cắt CNC, cắt nhiều biên dạng khác nhau để nghiên cứu thiết kế, chế tạo thử nghiệm một máy cắt Plasma, Oxy CNC dạng trung bình (1,5mx3m) với các thông số kỹ thuật: tốc độ cắt tối đa 1000mm/ph, chiều dày cắt tối đa 20mm, độ chính xác gia công $\pm 0,5$ mm. Sản phẩm của đề tài phục vụ tốt công tác giảng dạy, thực hành của giảng viên và sinh viên trường.

e) Lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên và môi trường

Hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên và môi trường đã tập trung nghiên cứu những vấn đề cấp thiết thực tiễn đặt ra, như nghiên cứu phục vụ phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, phục hồi đa dạng sinh học nhằm cung cấp cứ liệu, cơ sở khoa học phục vụ quy hoạch

phát triển kinh tế-xã hội bền vững; dự báo, cảnh báo nguy cơ có thể xảy ra để chủ động phòng tránh kịp thời, đã và đang thực hiện các nhiệm vụ, như: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng phục hồi rạn san hô khu vực biển ven bờ huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Phát triển tiềm lực KH&CN

Năm 2019, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi làm Chủ đầu tư 02 dự án:

- Dự án Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc, trang thiết bị cho Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng

- Dự án Đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm công nghệ sinh học cho Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp.

3. Phát triển doanh nghiệp KH&CN và thị trường KH&CN

Để khuyến khích, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh ban hành “Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ và tổ chức khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”.

(Phụ lục 1 - Biểu TK1-1 kèm theo)

4. Các hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh

a) Thực hiện Chương trình hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ trong khu vực sản xuất và kinh doanh tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020 ban hành tại Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi

Thời gian qua, Chương trình đã hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện việc đổi mới thiết bị công nghệ, hợp lý hóa và hiện đại hóa sản xuất, từ chỗ sản xuất thủ công sang áp dụng máy móc thiết bị tiên tiến, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất của doanh nghiệp nói riêng cũng như trình độ công nghệ sản xuất của tỉnh nói chung góp phần nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tăng thu nhập cho người lao động và doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp. Đến nay, đã thành lập Hội đồng xét duyệt cho 04 dự án đổi mới thiết bị, công nghệ trong sản xuất kinh doanh tham gia Chương trình hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020.

b) Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2016-2020

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến Chương trình, Giải thưởng Chất lượng Quốc gia đến các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng 01 phóng sự về năng suất chất lượng phát trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; tổ chức 02 khóa đào tạo về “Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, mã số mã vạch thúc đẩy năng suất chất lượng”; và “Duy trì hiệu suất thiết bị tổng thể - TPM, giải pháp

giảm thiểu lãng phí và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất” cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tiếp nhận 24 hồ sơ đăng ký tham gia, 08 hồ sơ đề nghị hỗ trợ thuộc Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2016 – 2020. Đồng thời, tổ chức họp Hội đồng thẩm định 08 hồ sơ đề nghị hỗ trợ và đánh giá thực tế tại các doanh nghiệp tham gia Chương trình với nội dung “*áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng 5S*”, kết quả 08 lượt doanh nghiệp có hồ sơ đủ điều kiện và tổng số kinh phí thực hiện hỗ trợ đến này là 360 triệu đồng.

b) Chương trình KH&CN phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020

Trong 6 tháng đầu năm 2019, đã tiếp nhận và tổ chức Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 cho 06 hồ sơ với tổng số tiền hỗ trợ là 75.000.000 đồng. Qua đó, đã hỗ trợ thiết thực cho các tổ chức sản xuất, kinh doanh trong tỉnh về tạo lập, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ đối với sản phẩm của mình.

c) Kết quả triển khai các giải pháp tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4

- Chính quyền các cấp đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền sâu rộng Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 6669/KH-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh cho cán bộ công chức, viên chức và các tổ chức doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Công tác quản lý nhà nước ở các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố trong thời gian qua bước đầu đã triển khai thực hiện đảm bảo các nội dung chủ yếu đã đề ra trong Kế hoạch số 6669/KH-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh, góp phần đáng kể trong việc tăng cường năng lực để từng bước tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Tuy nhiên, trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa nhận thức vai trò, ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đối với việc sản xuất kinh doanh. Do đó công tác đổi mới thiết bị, công nghệ chưa được doanh nghiệp quan tâm, chưa có chiến lược phát triển để từng bước đáp ứng được các tiêu chí của công nghiệp 4.0. Đây là vấn đề khó khăn mà trong thời gian đến UBND tỉnh Quảng Ngãi tập trung chỉ đạo.

d) Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và TBT

- Triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn của các cấp đến doanh nghiệp; cập nhật TCVN, QCVN mới được ban hành, TCVN bị hủy bỏ, văn bản mới ban hành về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, thông tin cảnh báo của các nước thành viên WTO để chọn lọc và đăng tải lên bản tin TBT nhằm hỗ trợ hoạt động tiếp cận thị trường xuất khẩu cho doanh nghiệp.

- Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với mặt hàng dây cáp điện, thép; hồ sơ công bố hợp quy; hồ sơ công bố hợp chuẩn; thông báo kết quả kiểm tra về đo lường, ghi nhãn hàng hóa các mặt hàng thiết yếu cấp không thu tiền cho đồng bào dân tộc miền núi nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2019.

- Triển khai 02 cuộc thanh tra (*xăng dầu, phương tiện đo nhóm 2*); 03 cuộc kiểm tra (*hàng đóng gói sẵn; cân ô tô; thép*). Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra: 62 cơ sở (*với 733 phương tiện đo, 25 lô đơn vị hàng hóa*). Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện 03 cơ sở có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đã xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 29 triệu đồng.

- Triển khai hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2019 theo Kế hoạch số 574/TĐC-TCCL ngày 06/3/2019 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đến các sở, ngành, UBND các huyện/thành phố và 120 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đăng trên website thành phần của Sở Khoa học và Công nghệ. Tiếp nhận bản đăng ký tham dự (*03 doanh nghiệp: Công ty TNHH Phú Điền, Công ty Cổ phần kết cấu thép Đại Dũng Miền Trung, Công ty TNHH Xây dựng - Sản xuất và Thương mại Phước An*); đồng thời, hướng dẫn doanh nghiệp viết báo cáo theo 7 tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

5. Công tác đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân

- Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho 6 cơ sở đủ điều kiện hoạt động X-quang y tế; cấp 03 chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn tại cơ sở X-quang y tế; phê duyệt 01 kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở.

- Phối hợp với Công ty TNHH MTV ứng dụng và phát triển công nghệ NEAD thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức 01 lớp đào tạo an toàn bức xạ năm 2019 cho 36 học viên đang làm việc tại các tổ chức hoạt động bức xạ trong và ngoài tỉnh và 01 lớp đào tạo an toàn bức xạ cho Công ty Cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn.

- Thực hiện phóng sự tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về an toàn bức xạ và hạt nhân phát trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Quảng Ngãi.

6. Hoạt động thông tin và thống kê KH&CN

- Thực hiện hoàn thành 12 số chuyên mục "Khoa học, Công nghệ và đời sống" phát trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

- Xuất bản 06 số Bản tin Thông tin KH&CN.

- Quản trị, cập nhật thông tin trang web thành phần của Sở trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi.

- Xây dựng Kỷ yếu kỷ niệm 30 năm thành lập Sở;

- Hoàn thành phim tư liệu phản ánh kết quả hoạt động KH&CN phục vụ Hội nghị KH&CN Vùng;

- Quản trị và cập nhật tin bài cho Cổng Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Thực hiện nhiệm vụ thống kê KH&CN: Hoàn thành báo cáo thống kê năm 2018 gửi Cục Thông tin KH&CN

- Thực hiện công tác thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Thu thập thông tin 2 nhiệm vụ KH&CN năm 2019. Đã cấp 04 giấy chứng nhận cấp cơ sở và 06 cấp tỉnh.

- Triển khai các hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực thông tin khoa học và công nghệ.

Hoạt động thông tin KH&CN ngày càng được cải thiện, các ấn phẩm thông tin từng bước đổi mới về hình thức và nội dung, trang web thành phần của Sở Khoa học và Công nghệ được đổi mới; các ấn phẩm đều tập trung phản ánh, tuyên truyền về các hoạt động quản lý chuyên ngành của Sở Khoa học và Công nghệ, phục vụ hoạt động quản lý, hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (đối tượng thông tin mới là doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tỉnh). Qua đó, cho thấy nội dung thông tin KH&CN ngày càng đi theo hướng chuyên sâu hơn và tập trung vào đối tượng cụ thể, góp phần đưa thông tin KH&CN thiết thực đến với người dân trong tỉnh.

7. Công tác cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử trong lĩnh vực KH&CN

- Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực an toàn bức xạ thực hiện đảm bảo thời gian giải quyết hồ sơ là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đạt 100% tỉ lệ xử lý hồ sơ, không có hồ sơ tồn đọng. Qua đó giảm được chi phí, thời gian của doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính.

- Tiến hành xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với các thủ tục: Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ, gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ, Cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở.

- Tổ chức tư vấn xây dựng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 vào hoạt động của UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi cho các xã, phường còn lại trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng chuyên đổi, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2019-2020 tại Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 26/4/2019

- Tổ chức 02 lớp đào tạo về chuyển đổi HTQLCL từ phiên bản TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

8. Tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN

Năm 2019, UBND tỉnh bố trí 9.000 triệu đồng để thực hiện 02 dự án (Dự án Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc, trang thiết bị cho Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng và Dự án Đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm công nghệ sinh học cho Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp). Trong đó:

- Dự án Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc, trang thiết bị cho Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng được bố trí 5.000/15.000 triệu đồng đạt 33,33% nhu cầu.

- Dự án Đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm công nghệ sinh học cho Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp được bố trí 4.000/5.000 triệu đồng đạt 80% nhu cầu.

Theo kế hoạch thực hiện, dự kiến đến cuối năm 2019 giải ngân 9.000 triệu đồng đạt 100% dự toán giao.

9. Đánh giá tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN

DVT: triệu đồng

Năm	Kinh phí TW giao		Kinh phí được UBND tỉnh duyệt		Kinh phí thực hiện	
	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp KHCN	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp KHCN	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp KHCN
2018	-	25.115	-	28.175	-	28.175
2019	-		9.000	27.450	9.000	27.450

Năm 2019, nguồn kinh phí đầu tư cho sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt 97,4% kinh phí sự nghiệp năm 2018. Do vậy, hoạt động khoa học và công nghệ năm 2019 có một số khó khăn nhất định trong việc phân bổ kinh phí cho các nhiệm vụ.

III. Đánh giá chung

Nhìn chung, hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi năm 2019 đã đạt được một số kết quả, phát huy hiệu quả nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống. Đã tập trung nguồn lực thực hiện các chương trình, đề tài, dự án KH&CN; số lượng đề tài, dự án KH&CN giảm so với những năm trước nhưng tập trung nâng cao tính ứng dụng. Nội dung các chương trình, đề tài, dự án phục vụ sát thực các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ

tỉnh lần thứ XIX và Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 05/4/2013 của Tỉnh ủy.

Các Chương trình KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp có tác động tích cực thúc đẩy doanh nghiệp áp dụng giải pháp hữu ích, đổi mới công nghệ thiết bị, mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp đã giữ vai trò quan trọng và là động lực cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững. Cung cấp cơ sở khoa học triển khai các dự án quy mô lớn, ứng dụng tổng hợp các thành tựu khoa học và công nghệ xây dựng cánh đồng mẫu lớn gắn với công nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ được triển khai đồng bộ. Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng được chú trọng, đẩy mạnh các hoạt động giám sát và hướng dẫn doanh nghiệp tuân thủ các quy định về đo lường, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch, nghiêm túc xử lý kịp thời các đối tượng vi phạm, góp phần tăng cường thực thi pháp luật về đo lường chất lượng, sở hữu công nghệ, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nâng cao nhận thức về các quy định của pháp luật chuyên ngành trong sản xuất kinh doanh của các cá nhân, tổ chức.

Hoạt động KH và CN tỉnh Quảng Ngãi đã có những bước tiến trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Chú trọng tới tính hiệu quả, hướng tới doanh nghiệp, thị trường và khẳng định được vai trò trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh. Nhiệm vụ KH&CN đã bám sát chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và các chỉ tiêu phát triển KH&CN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 1244/QĐ-TTg; Quyết định số 418/QĐ-TTg). Việc xây dựng nhiệm vụ KH và CN được thực hiện theo hình thức đặt hàng. Kết quả nghiên cứu sau khi nghiệm thu được nhanh chóng chuyển giao, ứng dụng vào thực tiễn đời sống sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế xã hội được người dân đồng tình hưởng ứng.

Bên cạnh những kết quả rất đáng ghi nhận, hoạt động KH và CN tỉnh Quảng Ngãi vẫn còn hạn chế rất cần sự chung tay góp sức của các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp, sự quan tâm phối hợp đồng bộ của các sở, ban, ngành, địa phương trong thời gian tới như: Hoạt động ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất, đổi mới công nghệ thiết bị trong doanh nghiệp, cơ chế tài chính đầu tư cho khoa học công nghệ, hoạt động kiểm tra, giám sát đảm bảo tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hóa trên thị trường,... Việc đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN ở các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo tại Quảng Ngãi đến nay còn hạn chế cần sự quan tâm hỗ trợ của Bộ Khoa học và Công nghệ trong thời gian đến.

B. Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2020

I. Định hướng, nhiệm vụ chủ yếu kế hoạch KH&CN năm 2020

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phù hợp với Kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 05/4/2013 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND ngày 19/6/2007 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong quản lý, sản xuất kinh doanh; Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 06/01/2010 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động của tỉnh thực hiện Kết luận số 234-TB/TW của Bộ Chính trị về nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2020; Kết luận số 06-KL/TW ngày 01/9/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư khóa IX Trung ương về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; các chỉ tiêu về phát triển khoa học và công nghệ xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX; Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016 - 2020 của UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 18/12/2015.

- Thực hiện cơ chế nhà nước đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với trách nhiệm sử dụng kết quả nghiên cứu, phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp, các ngành và sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Áp dụng cơ chế khoán chi để nâng cao hiệu quả nghiên cứu các đề tài khoa học và công nghệ. Vận động thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để huy động các nguồn vốn đầu tư cho KH&CN nhằm hỗ trợ tổ chức, cá nhân hoạt động nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, đầu tư nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, triển khai nhân rộng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn có hiệu quả tại địa phương.

- Về phát triển tiềm lực KH&CN: Hình thành các tổ chức nghiên cứu triển khai, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ có khả năng nghiên cứu và phát triển các sản phẩm khoa học và công nghệ; đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật theo hướng tiên tiến hiện đại nhằm phát triển mạnh tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Hỗ trợ xây dựng và triển khai thực hiện các dự án KH&CN nhằm áp dụng các kết quả KH và CN trên địa bàn các huyện, thành phố; tăng cường quản lý hoạt động KH và CN các huyện, thành phố; trang bị cơ sở vật chất, bố trí nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý KH&CN ở địa phương.

- Công tác thông tin và ứng dụng khoa học công nghệ: Tăng cường công tác thông tin KH và CN, tập trung xây dựng mô hình cung cấp thông tin KH và CN phục vụ nông thôn miền núi; đào tạo, tập huấn, chuyển giao các tiến bộ KH và CN cho các tổ chức cá nhân trên địa bàn tỉnh; tổ chức sản xuất, kinh

doanh các sản phẩm KH và CN phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, chú trọng phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Công tác thanh tra: Tập trung thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; an toàn bức xạ và hạt nhân, an ninh nguồn phóng xạ; thanh tra các chương trình đề tài, dự án KH và CN.

- Công tác quản lý công nghệ, an toàn bức xạ: Tập trung hiện tốt công tác thẩm định công nghệ; triển khai Chương trình khoa học và công nghệ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; tổ chức chặt chẽ việc khai báo và quản lý số liệu tại các cơ sở bức xạ; thẩm định và cấp phép sử dụng thiết bị bức xạ.

- Công tác Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng: Tổ chức kiểm tra về chất lượng, đo lường, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các mặt hàng thuộc phạm vi quản lý, kiểm định phương tiện đo, kiểm nghiệm mẫu đáp ứng kịp thời những nhu cầu của xã hội, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tổ chức các Hội nghị về duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa, giai đoạn 2016-2020.

II. Dự toán ngân sách nhà nước cho hoạt động KH và CN năm 2020

- Dự toán kinh phí sự nghiệp KH&CN năm 2020: 71.285 triệu đồng.

- Dự toán kinh phí đầu tư phát triển KH&CN năm 2020: 11.000 triệu đồng.

(Phụ lục kèm theo)

Kính báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính (Bộ Khoa học và Công nghệ);
- Vụ phát triển KH và CN địa phương (Bộ Khoa học và Công nghệ);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{lmc312}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Dũng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2018 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học			
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			
	Máy trồng mía hai hàng	Công ty Cổ phần đường Quảng Ngãi	Năng suất đạt 3-3,5ha/ca máy, tăng 1,5ha/ca máy. Bên cạnh đó khoảng cách hàng của MT 02 điều chỉnh được: 8,8m-0,9m -1,0m.	
III	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			
1	Công ty CP Cơ khí và Xây lắp An Ngãi			Loại hình doanh nghiệp: Cổ phần; địa chỉ: 06 Nguyễn Thụy; giấy phép kinh doanh: 4300326176; số quyết định công nhận: 03/2017/ĐK-DNKHCN
2	Công ty CP Cơ - Điện – Môi trường LILAMA			Loại hình doanh nghiệp: Cổ phần; địa chỉ: KKT Dung Quất; giấy phép kinh doanh: 4300357921; số quyết định công nhận: 01/2017/ĐK-DNKHCN
3	Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn			Loại hình doanh nghiệp: TNHH; địa chỉ: 208 Hùng Vương; giấy phép kinh doanh: 4300378569; số quyết định

				công nhận: 02/2017/ĐK-DNKHCN
4	Công ty TNHH Giồng cây trồng vật nuôi Nông Tín			Loại hình doanh nghiệp: TNHH; địa chỉ: 289 Nguyễn Du; giấy phép kinh doanh: 4300342650; số quyết định công nhận: 01/KQNC-QNGNNS
5	Công ty TNHH Nông Lâm Nghiệp TBT			Loại hình doanh nghiệp: TNHH; địa chỉ: 135 Chu Văn An; giấy phép kinh doanh: 4300361124; Giấy chứng nhận DN KH&CN: 01/DNKHCN
6	Công ty CP DORI			Loại hình doanh nghiệp: CP; địa chỉ: Xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn; giấy phép kinh doanh: 4300775975; Giấy chứng nhận DN KH&CN: 02/DNKHCN
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			
1	Đổi mới công nghệ, thiết bị trong chế biến và bảo quản hạt giống lúa	Công ty TNHH Giồng cây trồng Miền Trung.	Đầu tư dây chuyền chế biến lúa giống có công suất 2,5 tấn/giờ, gồm các thiết bị chính: máy sàng 2,5 tấn/giờ, băng tải, thiết bị cân đóng bao tự động kết hợp máy in phun	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng sản lượng sản phẩm 0,83%, giảm chi phí tiền điện 51%, giảm chi phí nhân công 0,3%, tăng thu nhập cho người lao động 1,6%, tăng lợi nhuận cho DN 2,5%. - Kinh phí KH&CN hỗ trợ: 178.900.000 đồng.
2	Đổi mới thiết bị, công nghệ trong dây chuyền sản xuất hàng mộc dân dụng xuất khẩu	Công ty TNHH SX TM & ĐT Tam Minh	Đầu tư lắp đặt các thiết bị, máy móc mới: Máy làm mòng âm 3 đầu CNC, Máy làm khoan bọ	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng sản lượng sản phẩm 54%, giảm chi phí tiền điện 14%, giảm chi phí nhân công 61%, tăng thu nhập cho người lao động 5,2%, tăng lợi nhuận cho DN 8,87%.

				- Kinh phí KH&CN hỗ trợ: 500.000.000 đồng.
3	Đổi mới thiết bị, công nghệ chế biến gỗ	Công ty TNHH chế biến gỗ Minh Dương Dung Quát	Đầu tư lắp đặt các thiết bị, máy móc mới: Hệ thống ghép finger tự động, máy bào hai mặt	- Tăng sản lượng sản phẩm 12%, giảm chi phí tiền điện 51%, giảm chi phí nhân công 73%, tăng thu nhập cho người lao động 2%, tăng lợi nhuận cho DN 3%. - Kinh phí KH&CN hỗ trợ: 467.800.000 đồng.
4	Đổi mới thiết bị, công nghệ chế biến gỗ	Công ty CP lâm sản Tân Tân Thành	Đầu tư lắp đặt các thiết bị, máy móc mới: Máy gép ngang cao tầng, Máy làm mọng âm 3 đầu CNC, Máy chà nhám thanh cong 2 mặt	- Tăng sản lượng sản phẩm 20%, giảm chi phí tiền điện 10%, giảm tỉ lệ phế phẩm 40%, giảm chi phí nhân công 22%, tăng thu nhập cho người lao động 6,25%, tăng lợi nhuận cho DN 26,2%. - Kinh phí KH&CN hỗ trợ: 426.600.000 đồng.
5	Đổi mới thiết bị công nghệ chế biến gỗ	Công ty TNHH Hoàn Vũ	Đầu tư lắp đặt các thiết bị, máy móc mới: Máy làm mọng âm 3 đầu CNC, Máy chà nhám thùng 6 tất, 2 trục, Hệ thống hút bụi,	- Giảm chi phí nhân công phải trả 5.96%, Giảm chi phí tiêu thụ điện năng 8.15%, Tăng thu nhập bình quân cho người lao động 6.67%, Tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp 13,10% - Kinh phí KH&CN hỗ trợ: 361.500.000 đồng.
V	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu			
1	Phòng thí nghiệm công nghệ sinh học cho Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng	Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KH&CN-Sở	- Xây dựng Phòng thí nghiệm công nghệ sinh học diện tích 182,27 m2,	

	dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp	KH&CN tỉnh Quảng Ngãi	2 tầng - Mua sắm máy móc thiết bị	
2	Tăng cường tiềm lực cho Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quảng Ngãi		Mua sắm máy móc thiết bị kiểm định, thử nghiệm, như: Máy quang phổ, Sắc ký khí ghép khối phổ, Thiết bị kiểm tra chất lượng vàng và kim loại quý để bàn, Quả cân M1 loại 5 kg/1quả, Xe tải 10 tấn có gắn cầu, Bàn kiểm công tơ điện 3 pha, Hệ thống kiểm định đồng hồ đo nước lạnh đường kính đến 50mm	

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT NĂM 2018 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

STT	Tên sản phẩm/công trình/công nghệ	Xuất xứ	Hiệu quả kinh tế-xã hội	Ghi chú
1	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình thâm canh mì (sắn) xen đậu đen trên đất dốc - Mô hình thâm canh mì (sắn) trên đất dốc - Mô hình thâm canh mì (sắn) xen lạc trên đất dốc 	<p>Dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình cánh đồng lớn sản xuất nguyên liệu sắn tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi”</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình thâm canh mì (sắn) xen đậu đen trên đất dốc cho năng suất mì đạt 32,1 tấn/ha hàm lượng tinh bột đạt 26,6%, đậu đen >8,2 tạ/ha. - Mô hình thâm canh mì (sắn) trên đất dốc cho năng suất 35,5 tấn/ha, hàm lượng tinh bột đạt 26,6% - Mô hình thâm canh mì (sắn) xen lạc trên đất dốc cho năng suất mì đạt 32,1 tấn/ha hàm lượng tinh bột đạt 26,6%, năng suất Lạc 16,4 tạ/ha. <p>Hiệu quả kinh tế các mô hình cho lợi nhuận cao hơn 10% so với phương thức canh tác truyền thống.</p>	
2	Thiết kế máy cắt Plasma, oxy CNC dạng trung bình	<p>Đề tài “Thiết kế và chế tạo máy cắt Plasma, oxy CNC dạng trung bình”</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu viết phần mềm điều khiển tự động máy cắt CNC, cắt nhiều biên dạng khác nhau. - Thiết kế máy cắt Plasma, oxy CNC dạng trung bình - Chế tạo thử nghiệm một máy cắt Plasma, Oxy CNC dạng trung bình (1,5mx3m) với các thông số kỹ thuật: tốc độ cắt tối đa 1000mm/ph, chiều dày cắt tối đa 20mm, độ chính xác gia công $\pm 0,5$mm. <p>Sản phẩm của đề tài phục vụ tốt công tác giảng dạy, thực hành của giảng viên và sinh viên trường.</p>	

NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu – phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động	Nhân lực hiện có đến 30/6/2019						Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng từ NSNN năm 2017 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ngoài công lập)
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH						
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Các đơn vị do cấp tỉnh quyết định thành lập									
1	Trung tâm Trắc địa và Quan trắc Môi trường tỉnh Quảng Ngãi	Số 05/CN-SKHHCN ngày 29/11/2010	22	22	-	-	17	05	0	-Công lập; - Tự chủ về tài chính.
2	Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KHHCN	Số 01/CN-SKHHCN ngày 29/4/2011	30	30	-	-	28	02	791	Công lập
3	Trung tâm Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao	Số 02/GCN-SKHHCN ngày 03/6/2011	11	11	-	-	10	01	0	Ngoài công lập
4	Trung tâm CNTT và Truyền thông Quảng Ngãi	Số 03/GCN-SKHHCN ngày 25/8/2011	16	16	-	-	12	04	855	Công lập
5	Trung tâm Giống Quảng Ngãi	Số 02/GCN-SKHHCN ngày	25	25	-	-	20	5	306	-Công lập; -Tự chủ về

		08/11/2013								tài chính.
6	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và đào tạo, huấn luyện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ	Số 01/GCN-SKHCN ngày 30/12/2016	6	6	-	-	5	1	83	Công lập
7	Trung tâm tư vấn, dịch vụ phát triển Khoa học và Công nghệ Quảng Ngãi	Số 01/CN-SKHCN ngày 14/02/2017	15	15	1	-	14	-	0	Công lập
II	Đơn vị do Bộ KH&CN thành lập, địa phương trực tiếp quản lý									
1	Trung tâm Kỹ thuật quan trắc môi trường Dung Quất	Số A – 237, ngày 06/01/2012	86	58	-	3	29	26	1.600	-Công lập; -Tự chủ về tài chính.
	Tổng số		211	171	1	3	135	44		

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN
NĂM 2018 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2018	6 tháng đầu năm 2019
I	Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai		27	2
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ	1	0
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ	7	1
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ	10	0
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ	3	1
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ	5	0
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ	1	0
II	Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ			
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA	19	30
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HĐ	-	-
3	Giám định công nghệ	CN	-	-
III	Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân			
1	Số nguồn phóng xạ kín		60	25
-	<i>Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới</i>	Nguồn	12	18
-	<i>Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng</i>	Nguồn	48	7
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới		5	8
-	<i>Trong lĩnh vực Y tế</i>	Thiết bị	5	2
-	<i>Trong lĩnh vực Công nghiệp</i>	Thiết bị	-	6
-	<i>Trong An ninh hải quan</i>	Thiết bị	-	-
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Curie (Ci)	-	-
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án	-	-
5	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng	-	-
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở	10	12
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép	8	9
IV	Công tác Sở hữu trí tuệ			
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ	25	20
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn	87	11
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng	39	8
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ	0	0
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA	0	0
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK	-	-
V	Công tác thông tin và thống kê KH&CN			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL		

2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút		
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KH&CN</i>	Tạp chí/bản tin		
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	Buổi phát		
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu		
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN			
4.1	<i>Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành</i>	N.vụ		
4.2	<i>Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	N.vụ		
4.3	<i>Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng</i>	N.vụ		
5	Thông kê KH&CN			
5.1	<i>Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>		
5.2	<i>Báo cáo thống kê cơ sở</i>	<i>Báo cáo</i>		
5.3	<i>Báo cáo thống kê tổng hợp</i>	<i>Báo cáo</i>		
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
VI	Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện	17.160	3.630
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn		
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn		
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị	120 (46 cơ quan, 74 xã)	-
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc	1	3
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu	65	11
VII	Công tác thanh tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc	17	5
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị	297	84
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ	8	9
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ	98,5	56
VIII	Hoạt động đổi mới công nghệ			
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ	4	4
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ ¹	Doanh nghiệp		

¹ Doanh nghiệp trong năm cú một trong các hoạt động sau đây được coi là cú đổi mới công nghệ:

- Thực hiện nghiên cứu phát triển công nghệ cú kết quả được chuyển giao, đónh giở, nghiệm thu hoặc ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh hoặc cú đăng ký sở hữu trí tuệ (sông chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp).
- Cú nhận chuyển giao công nghệ hoặc đầu tư, mua sắm mới hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị hoặc thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hoặc sản xuất hiệu quả hơn (giảm giở thành sản xuất sản phẩm; giảm tiêu thụ năng lượng; nguyên, nhiên, vật liệu; giảm phát thải, đạt các chỉ tiêu về môi trường; ...).
- Đưa vào ỏp dụng các hệ thống quản lý, mụ hõnh, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng như: ISO; HACCP; GMP (thực hành sản xuất tốt); KPI (Đo lường hiệu suất); TPM (duy trõ năng suất toàn diện); TQM (quản lý chất lượng toàn diện); PMS (cải tiến năng suất toàn diện); thực hành 5S, Six Sigma, Kaizen, ...
- Đạt được các tiêu chuẩn, chứng nhận chuyên ngành: VietGap, Global Gap, GMP, BRC (Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu),... hoặc nâng cấp lên mức tiêu chuẩn cao hơn (vớ dụ: GMP-ASEAN → GMP-WHO → PIC/S → EU-GMP) hoặc đạt được các chứng chỉ quốc tế (chứng chỉ ASTM của Mỹ; JISG3505, JIS3112 của Nhật Bản; ...).

3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp		
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ		
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ		
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ		
IX	Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN			
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
3	Kéo dài thời gian công tác	Người		
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người		
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người		
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người		
X	Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN			
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp	4	2
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở		
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị		
XI	Công tác phát triển thị trường KH&CN			
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ		
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%		
XII	Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia			
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp		
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án		
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp		
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị		

5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức		
---	---	---------	--	--

VĂN BẢN VỀ KH&CN ĐƯỢC BAN HÀNH
NĂM 2018 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Số TT	Tên văn bản	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành		
			Tỉnh ủy	HĐND	UBND
1	Thay đổi thành viên Ban Chỉ huy ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	22/3/2018			X
2	Phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 – 2020	01/6/2018			X
3	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	28/3/2018			X
4	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của “Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020” và “Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020” ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND tỉnh	13/6/2018			X
5	Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	12/9/2018			X
6	Phê duyệt danh mục đề tài, dự án khoa học và công nghệ triển khai thực hiện năm 2018 (đợt 3)	09/02/2018			X
7	Phê duyệt danh mục đề tài, dự án khoa học và công nghệ triển khai thực hiện năm 2018 (đợt 4)	16/5/2018			X
8	Phê duyệt triển khai thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ đối với 07 đề tài, dự án bắt đầu triển khai thực hiện năm 2018	06/9/2018			X
9	Phê duyệt danh mục các đề tài, dự án KH&CN triển khai thực hiện năm 2019	02/11/2018			X
10	Phê duyệt triển khai thực hiện các	10/4/2019			X

	nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2019 (đợt 1).				
11	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh	28/3/2018			x
12	Kế hoạch triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2018-2021	07/6/2018			x

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CƠ CHẾ KHOÁN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN**

Số nhiệm vụ triển khai năm 2018			Số nhiệm vụ mở mới năm 2019		
Tổng số	Khoán đến sản phẩm cuối cùng	Khoán từng phần	Tổng số	Khoán đến sản phẩm cuối cùng	Khoán từng phần
Cấp Bộ, Tỉnh	2	25	2	0	2
Cấp cơ sở					

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH/NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ, TỈNH NĂM 2020**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
A	B	I	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	Tổng cộng			178.062	43.148	18.761	3678	709	78.616	19.985	
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp sang 2020			118.062	23.148	18.761	3678	709	78.616	19.985	
1.	Đề tài: Chọn tạo và phát triển một số giống lúa mới ngắn ngày, có năng suất cao, phẩm chất gạo tốt phục vụ sản xuất để tăng thu nhập cho nông dân Quảng Ngãi và một số tỉnh khu vực miền Trung.	Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	36 tháng, 6/2017-5/2020	3.055,5	1.530	1.488	42	0	1525,5	0	Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi; CN. Đỗ Đức Sáu
2.	Nhiệm vụ: Nghiên cứu lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống cây quế bản địa Trà Bông tại Quảng Ngãi và đánh giá kết quả bảo tồn	Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của Chủ	60 tháng, 11/2015 – 11/2020	2.380	2.380	2.162	218	0	-	-	Chi cục Lâm nghiệp Quảng Ngãi; KS. Trần Kim Ngọc

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
		tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi v/v phê duyệt triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen									
3.	Đề tài: Nghiên cứu bảo tồn và phát triển vùng ớt xiêm rừng tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	24 tháng,9/2018-9/2020	1.090	1.090	943	147	0	-	-	Trường Đại học Nông lâm, Đại học Huế, ThS. Nguyễn Ngọc Truyền
4.	Đề tài: Điều tra hiện trạng và giá trị nguồn dược liệu ma-gang (mãn-gan) ở tỉnh Quảng Ngãi làm cơ sở quản lý, sử dụng, bảo tồn và phát triển bền vững	Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND	24 tháng,9/2018-9/2020	1.760	1.760	1.608	152	0	-	-	Viện Sinh học nhiệt đới; TS. Lý Ngọc Sâm

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
		tỉnh Quảng Ngãi									
5.	Đề tài: Điều tra, đánh giá nguồn lợi giống cá dìa và xây dựng qui trình ương cá dìa từ cỡ hạt đưa lên cá giống trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	24 tháng,9/2018-9/2020	1.490,804	1.180	1.040	140	0	236,99775	73,80625	Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi; KS. Nguyễn Ngọc Tài
6.	Đề tài: Nghiên cứu xác lập cơ cấu cây trồng hiệu quả trên đất cát ven biển tỉnh Quảng Ngãi	Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng	36 tháng,9/2018-9/2021	1.680	1.680	1025	470	185	-	-	Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ; ThS. Phạm Vũ Bảo

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
		Ngãi									
7.	Đề tài: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp khắc phục các nhược điểm của tường xây bằng gạch xi măng cốt liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	18 tháng, 9/2018-02/2020	1.040	1.040	988	52	0	-	-	Trường Đại học Bách khoa-Đại học Đà Nẵng; PGS. TS. Trần Quang Hưng
8.	Đề tài: Nghiên cứu xác định thành phần dinh dưỡng từ các bộ phận cây lá gai xanh (Boehmeria spp.) để làm cơ sở cho việc chế biến thực phẩm, thức ăn gia súc và phân hữu cơ vi sinh	Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	24 tháng, 11/2018-11/2020	1.410	1.410	834	576	0	-	-	Trường Đại học Phạm Văn Đồng; TS. Lê Hoàng Duy
9.	Dự án: Xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý hành-tỏi Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	24 tháng, 11/2018-11/2020	1.750	1.560	1.447	113	0	0	190	UBND huyện Lý Sơn; ThS. Phạm Thị Hương

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
		của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi									
10.	Đề tài: Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp can thiệp cộng đồng phòng chống bệnh trầm cảm ở người cao tuổi tại thành phố Quảng Ngãi	Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	24 tháng, 5/2019 - 4/2021	960	960	510	385	65	-	-	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng; TS. Nguyễn Thị Trâm Anh và BS CKII Đỗ Văn Diệu
11.	Đề tài: Nghiên cứu thiết kế, chế tạo Robot hàn tự động 6 bậc	Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	24 tháng, 4/2019 - 4/2021	1.470	1.400	391	958	51	0	21	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất; TS. Nguyễn Hồng Tây và ThS. Dương Văn Toàn Ninh
12.	Nhiệm vụ “Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát	Số 1156/QĐ-UBND ngày	36 tháng, 6/2017- 5/2020	40.168,355	2.078	2.014	64	0	35.000	3.090,355	UBND huyện Sơn Tịnh; ThS. Phạm Hồng

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	triển đàn bò lai hướng thịt trên nền bò cái Zêbu tại các xã miền núi huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi”	21/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi									Son
13.	Nhiệm vụ: “Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển chăn nuôi bò lai tăng thu nhập cho nông dân góp phần xây dựng nông thôn mới ở các xã miền núi huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi”	Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	36 tháng, 7/2017-6/2020	40.760,505	1.870	1833	37	0	35.000	3.890,505	Trạm Khuyến nông huyện Đức Phổ; KS. Nguyễn Thịnh
14.	Nhiệm vụ “Ứng dụng khoa học công nghệ cải tạo đàn trâu địa phương bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo với giống trâu Murrah”	QĐ 1525/QĐ-UBND ngày 06/9/2018	36 tháng, từ 9/2018- 9/2021	8.202,2375	1.820	1.133	556	131	2.000	3.000	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh; ThS. Đỗ Văn Chung
15.	Nhiệm vụ “Xây dựng vùng chuyên canh sản xuất củ hành tím đạt tiêu chuẩn VietGAP tại xã Bình Hải, huyện Bình Sơn”	QĐ số 1525/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của CT UBND tỉnh	36 tháng, 9/2018-9/2021	8.259,836	1.600	1.236	284	80	959,836	3.600	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Bình Sơn; TS. Nguyễn Văn Đức và KS. Lê

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
											Đảng Khoa
16.	Nhiệm vụ “Ứng dụng kỹ thuật mới trong sản xuất Bưởi da xanh và Chuối mốc theo hướng hàng hóa tại huyện miền núi Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi”	Đang trình phê duyệt		4.054,948	NS tỉnh:1.190 ; NSTW 1.420,NS huyện: 329,548	500	226	248	216	1.115,4	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Sơn Tây; KS. Phạm Hồng Khuyển
II	Nhiệm vụ mở mới 2020			60.000	20.000						25 nhiệm vụ, 800 triệu đồng/nhiệm vụ

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 2
Biểu TK3

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&CN NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên Dự án/ công trình	Căn cứ pháp lý (QĐ phê duyệt)	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện		Kinh phí		
					Khởi công	Hoàn thành	Tổng vốn đầu tư được duyệt	Kinh phí được phân bổ lũy kế hết năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020
I	Dự án mới						15.000	0	15.000
1	Tăng cường cho Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Quyết định số 2036/QĐ-	Sở Khoa học và	TP. Quảng Ngãi	2019	2020	15.000	5.000	10.000

		UBND ngày 31/10/2017	Công nghệ						
2	Dự án Đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm công nghệ sinh học cho Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp	Quyết định số 3424/QĐ-SXD ngày 31/10/2018		Xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	2019	2020	5.000	4.000	1.000
	Tổng cộng						20.000	9.000	11.000

DỰ KIẾN KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TW THÔNG BÁO NĂM 2019	KINH PHÍ UBND TỈNH PHÊ DUYỆT 2019	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2019	KINH PHÍ DỰ KIẾN NĂM 2020
I	Kinh phí sự nghiệp KH&CN		28.276	28.276	71.285
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyển tiếp sang năm 2019 cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)	-	500	500	-
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện	-	18.507	18.507	43.148
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-	938	938	2.134
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước	-	7.508	7.508	14.893
	<i>TĐC</i>	-	<i>3.183</i>	<i>3.183</i>	8.000
	<i>SHTT</i>	-	<i>820</i>	<i>820</i>	860
	<i>TT & TKKHCN</i>	-	<i>819</i>	<i>819</i>	1.270
	<i>ATBX và hạt nhân</i>	-	<i>144</i>	<i>144</i>	227
	<i>Đào tạo tập huấn</i>	-	<i>45</i>	<i>45</i>	135
	<i>QLCN</i>	-	<i>2.295</i>	<i>2.295</i>	4.180
	<i>Thanh tra</i>	-	<i>202</i>	<i>202</i>	221
	<i>HTQT</i>	-	-	-	
	Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN	-	-	-	
5	Chi hoạt động KH&CN cấp huyện	-	-	-	110
6	Chi các đơn vị sự nghiệp	-	-	-	
7	Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp	-	823	823	6.000
8	Chi khác	-			5.000
II	Kinh phí đầu tư phát triển	-	9.000	9.000	11.000
1	Tăng cường cho Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	-	5.000	5.000	10.000
2	Đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm công nghệ sinh	-	4.000	4.000	1.000

	học cho Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp				
	Tổng số		37.276	37.276	82.285